TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2019

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Văn

2. Ông Nguyễn Kim Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyền Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau** *tham gia phiên toà:* Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Bé T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Anh Võ Văn C, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2019 cũng như tại phiên tòa chị Bùi Bé T trình bày:*

Chị T và anh C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/3/2010. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường hay cãi nhau làm phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2014 đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống nữa nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn C.

Con chung tên Võ T V, sinh ngày 11/12/2008 và Võ Thúy V, sinh ngày 10/10/2012 hiện con chung do chị T nuôi dạy. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị T và anh C tự thỏa thuận; nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện chị T và anh C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T yêu cầu ly hôn với anh C. Do đó, áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị T và anh C được ly hôn. Con chung giao chị T nuôi dạy, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét; tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh C: Chị Bùi Bé T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Võ Văn C. Đây là tranh C hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh C có địa chỉ tại ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi

kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho anh C nhưng anh C không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị T và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh C nhưng anh C vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Bùi Bé T và anh Võ Văn C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/3/2010. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị T cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh C. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa chị T và anh C không đạt được nên anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị T và anh C có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh C vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Bùi Bé T và anh Võ Văn C được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị Bùi Bé T và anh Võ Văn C có con chung tên Võ T V, sinh ngày 11/12/2008 và Võ Thúy V, sinh ngày 10/10/2012. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 25/02/2019 cháu T V có yêu cầu và nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị Bùi Bé T. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và yêu cầu chị T yêu cầu nuôi dạy cháu T V và chau Thúy V nhưng anh C không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt tại các lần hòa giải xét xử không có lý do. Hơn nữa, con

chung hiện chị T nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Vì Vậy, cần tiếp tục giao con chung là cháu Võ T V và Võ Thúy V cho chị T tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định thời gian chung sống anh chị có tài sản chung nhưng anh chị đã tự thỏa tuận xong và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp theo quy định tại Điều 59 luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Bé T phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chị Bùi Bé T và anh Võ Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ T V, sinh ngày 11/12/2008 (giới tính nữ) và Võ Thúy V, sinh ngày 10/10/2012 (giới tính nữ) cho chị Bùi Bé T tiếp tục nuôi dạy. Anh Võ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3.Tài sản chung: Chị Bùi Bé T và anh Võ Văn C tự thỏa thuận nên không xét.

3.Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Bé T phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 25 tháng 02 năm 2019 chị T có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0005979 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh C vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa